VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 11 năm 2022 quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động

(Tiếp theo Công báo số 351 + 352)

Phụ lục I
DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ CÁ NHÂN TRANG CẤP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM NGHỀ, CÔNG VIỆC CÓ YẾU TỐ NGUY HIỂM, YẾU TỐ CÓ HẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

XIV. CHẾ BIẾN DA - LÔNG VŨ

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Chuẩn bị thuộc da, xẻ da, nạo da, lột da, pha chế hóa chất để thuộc da, muối da tươi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Găng tay cao su dày; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
2	Hoàn thành thuộc da, pha cắt da, chế biến đồ da.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	

3	Chế biến lông vũ: - Vận hành máy phân loại lông, khử bụi; - Thủ kho xuất nhập; - Kiểm nghiệm lông vũ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	

XV. DỆT - MAY

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	- Điều khiển, vận hành các loại máy, thiết bị bông, sợi dệt. - Đổ sợi, nối mắc sợi, ghép sợi, xếp ống, kiểm gấp vải, phục vụ, bảo dưỡng, vệ sinh công nghiệp, sửa chữa cơ điện trong dây chuyền sợi dệt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ bao tóc; - Khẩu trang lọc bụi; - Dép nhựa có quai hậu hoặc giày vải; - Nút tai chống ồn; - Kính chống bụi; - Xà phòng.	
2	- Điều khiển, vận hành, sửa chữa, vệ sinh các loại máy, thiết bị phụ trợ (điều không, thông gió, cấp nước, thoát nước, lò hơi)	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ bao tóc; - Găng tay vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Dép nhựa có quai hậu hoặc giày vải; - Găng tay vải; - Kính chống bụi; - Xà phòng.	
3	Nhuộm, tẩy, giặt, mài, hồ, in vải, sợi, quần áo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải;	

		- Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su; - Dép nhựa có quai hậu hoặc giày vải; - Xà phòng.	
4	Cắt - may, thêu - là ủi bao gồm các công việc cắt, may, thêu, thùa khuyết, đính cúc, vắt sổ; kiểm gấp, là ủi - đóng gói, đóng kiện	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay sắt (1) - Xà phòng.	(1) Trang bị dùng cho công nhân cắt vải.
5	Đóng hòm, mở hòm; đóng ép kiện, phá kiện bông, sợi, vải, quần áo; đóng kiện bông vải phế liệu.	- Mũ vải; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Kính chống bụi; - Xà phòng.	
6	Quản lý, điều hành trong dây chuyền dệt may.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
7	Vận hành máy đập, tước, cắt vỏ dừa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ bao tóc - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ;	(1) Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.

		- Bịt tai chống ồn; - Ủng cao su(1); - Xà phòng;	
8	Vận hành máy ép kiện chỉ xơ dừa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ bao tóc; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng;	
9	- Phơi chỉ xơ dừa; - Sàng, xúc phơi mụn dừa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

XVI. GIẦY DÉP

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Pha cắt da, điều khiển máy rẩy da.	- Mũ bao tóc; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	

2	May mu giầy, đột dập ôrê.	- Mũ bao tóc; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Bịt tai chống ồn; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
3	Gò ráp, khâu đế, mài đế, đánh bóng giầy.	- Mũ bao tóc; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
4	- Bồi vải, khuấy keo; - Điều khiển máy gò, ép, dán, quét keo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
5	Điều khiển máy sấy, hấp, lưu hóa, in nhãn, mác giầy hoặc ủng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Găng tay vải bạt; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	

XVII. SẢN XUẤT HÓA CHẤT

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
XVII.1. Hóa chất cơ bản			
1	- Trộn nguyên liệu sản xuất phèn;	- Quần áo chống axít, kiềm;	

	- Làm ở lò cô phèn đơn.	- Mũ an toàn công nghiệp; - Kính chống các vật văng bắn; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc; - Găng tay vải bạt; - Găng tay chống axit; - Ủng chống axít, kiềm; - Xà phòng.	
2	Làm ở lò phản xạ phèn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc; - Ủng chống axít, kiềm; - Kính chống bức xạ; - Găng tay chống axít; - Xà phòng.	
3	Hòa tan dung dịch phèn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su chịu axít; - Ủng chống axít, kiềm; - Xà phòng.	
4	Sản xuất Natri Silicat.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính chống các vật văng bắn; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay chống axit; - Mặt nạ phòng độc; - Xà phòng.	

5	Sản xuất bột nhẹ (Canxi-cácbonnat).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi(1); - Ủng cao su(1); - Găng tay vải bạt(1); - Xà phòng.	(1) Dùng khi tôi vôi tháp sục, ly tâm.
6	Tuyển nổi Garaphit.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy đế da; - Khẩu trang lọc bụi; - Tạp dề hoặc yếm ướt, bẩn; - Xà phòng.	
7	Khử sắt graphit.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Kính chống các vật văng bắn; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
8	Sản xuất hóa chất tinh khiết.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Quần áo chịu axit, kiềm; - Mũ an toàn công nghiệp; - Ủng cao su; - Kính chống văng bắn hóa chất; - Găng tay chống axít;	

		- Mặt nạ phòng độc; - Xà phòng.	
9	- Cô đặc xút; - Hòa tan, trung hòa, lắng lọc nước muối; - Sản xuất Hyđrôxít nhôm - $Al(OH)_3$.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ - Ủng cao su(1); - Kính chống văng bắn hóa chất; - Găng tay cao su chống xút lỏng; - Giày da bảo hộ mũi lót thép; - Quần áo chịu axít, kiềm; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
10	Vận hành thiết bị điện phân dung dịch Clorua natri (NaCl), tuần hoàn điện phân.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay chống hóa chất; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su(1); - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Kính chống các vật văng bắn; - Giày da bảo hộ lao động mũi lót thép; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
11	Sản xuất Natri sunphit - Na_2SO_3.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Giầy vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc; - Xà phòng.	
12	Sản xuất Hyđrô - H_2 (để tổng hợp axít Clohyđric - HCl).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính chống các vật văng bắn;	

		- Áo mưa bạt ngắn; - Mặt nạ phòng độc; - Găng tay vải bạt; - Giày da bảo hộ lao động mũi lót thép; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
13	Sản xuất axít Nitric - HNO_3.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay chống axít, kiềm; - Giầy vải bạt cao cổ; - Ủng cao su(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống axít; - Xà phòng. - Mặt nạ phòng độc.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
14	Đóng bình axít các loại, vận hành kho axít.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Áo mưa bạt ngắn; - Găng tay chống axít, kiềm - Ủng chống axít, kiềm; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt; - Kính chống axít; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
15	- Sấy khí Clo - Cl_2; - Đóng bình Clo lỏng; - Hợp thành axít Clohyđric - HCl; - Xử lý Clo thừa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy da cao cổ; - Ủng cao su;	(1) Trang bị để dùng chung.

		- Kính chống axít; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Khẩu trang phòng độc - Xà phòng.	
16	Làm lạnh Hyđrô - H_2 trong sản xuất Clo xút.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy bảo hộ lao động mũi lót thép; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
17	- Rửa SO_2; - Tiếp xúc trong sản xuất axít Sunphuric - H2SO4; - Sấy, hấp thụ axít Sunphuric - H_2SO_4; - Pha trộn lưu huỳnh sản xuất axít Sunphuric - H_2SO_4.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Ủng chịu axít; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Quần áo chịu axít; - Găng tay cao su; - Xà phòng.	(1) Trang bị để dùng chung.
18	Vận hành lò BKZ, cân quặng Pirít, thải xỉ Pirít.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị để dùng chung.
19	Sản xuất Selen.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay chống axít, kiềm; - Giầy vải bạt cao cổ; - Ủng cao su(1);	(1) Trang bị để dùng chung.

		- Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	
20	Bảo dưỡng, lắp đặt thùng điện phân.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy bảo hộ lao động mũi lót thép; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su cách điện; - Mặt nạ phòng độc(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị dùng chung khi cần thiết.
21	Vận hành thiết bị lạnh trong sản xuất hóa chất.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su chịu axít; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị dùng chung khi cần thiết.
22	Kiểm tra chất lượng các loại sản phẩm trong ngành hóa chất.	- Quần áo vải trắng; - Giầy vải; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải; - Găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính bảo hộ lao động; - Mặt nạ phòng độc; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
23	Sản xuất Kẽm clorua, Canxi clorua, PAC.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải;	

		- Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
24	Bốc xếp, vận chuyển hóa chất.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Đệm vai; - Xà phòng.	
25	Bốc xếp chai, bình chứa khí, khí hóa lỏng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính chống các vật văng bắn; - Găng tay vải bạt; - Giầy bảo hộ lao động mũi lót thép; - Xà phòng.	
26	Lái xe, phụ xe vận chuyển khí hóa lỏng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo mưa bộ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính chống các vật văng bắn; - Găng tay vải bạt; - Giầy da thấp cổ chống trơn trượt; - Xà phòng. - Mặt nạ phòng độc.	
27	Sản xuất vôi công nghiệp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính chống các vật văng bắn; - Găng tay vải bạt; - Giầy da chống trơn trượt; - Xà phòng.	

28	Nấu hồ điện cực.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính chống các vật văng bắn; - Găng tay vải bạt; - Giầy da chống trơn trượt; - Xà phòng.	
29	Vệ sinh công nghiệp trong các nhà máy sản xuất hóa chất.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su chống dầu(1); - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ - Kính chống các vật văng bắn(1); - Khẩu trang vải; - Khẩu trang chống độc; - Găng tay cao su; - Xà phòng	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
30	Làm việc ở các phòng thí nghiệm, xét nghiệm, kiểm nghiệm hàng hóa tiếp xúc với các loại hóa chất.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Găng tay cao su; - Kính chống các vật văng bắn chống hóa chất dạng lỏng văng vào mắt; - Khẩu trang lọc bụi phòng độc; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn(1); - Găng tay chống axít, kiềm(1); - Mặt nạ phòng độc; - Ủng cao su; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi tiếp xúc nhiều với nước, ướt bẩn, axít.
31	Lọc bụi điện.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ;	

		- Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
32	Sản xuất và đóng thùng, bảo quản, lưu trữ phốt pho vàng	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Quần áo da(1); - Kinh chống vật văng bắn; - Găng tay cao su; - Găng tay da(1); - Bán mặt nạ phòng độc; - Ủng cao su; - Giày da(1); - Quần áo chống cháy(1); - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Mũ an toàn công nghiệp(1); - Mũ bao tóc; - Bình dưỡng khí(1). - Mặt nạ phòng độc có bình dưỡng khí hoặc mặt nạ chống khí độc CO.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
XVII.2. Phân bón			
33	- Cân đong vào liệu, tời nạp liệu lò cao phân lân nung chảy; - Điều khiển máy gập, gầu nâng vít tải phân lân; - Điều khiển máy đỡ quặng xuống toa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
34	Ra liệu lò cao phân lân nung chảy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy da cao cổ hoặc giầy vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi;	(1) Trang bị dùng chung, để sử dụng khi cần thiết

		- Kính chống các vật văng bắn; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	
35	- Vận hành máy vớt phân lân nung chảy; - Khử Flo phân lân nung chảy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
36	Điều khiển máy quạt gió.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
37	Sản xuất phân lân vi sinh.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
38	- Phối liệu các loại phân bón hữu cơ, vô cơ; - Trộn vê viên phân lân nung chảy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
39	Vận hành lò khí than: - Vận hành lò; - Ghi lò.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy da thấp cổ;	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	
40	Vận hành két khí than.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
41	- Làm công việc khống chế tự động phân xưởng hợp thành; - Vận hành bơm cao áp, trung áp phân xưởng urê (phân đạm).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
42	Hấp thụ lưu huỳnh bằng ADA (phân đạm).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
43	Bơm dung dịch Sunphôlan (phân đạm).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su chống dầu; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

44	Hợp thành Amôniắc (NH_3).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
45	- Điều chế Amôniắc, đóng bình Amôniắc lỏng; - Hợp thành Urê.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
46	Cô đặc tạo hạt Urê.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
47	Đóng bao, khâu bao thành phẩm phân bón.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
48	- Điều chế Supe phốt phát; - Trung hòa Supe phốt phát.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

49	- Vận hành trạm bơm nước tuần hoàn (trong sản xuất phân đạm); - Vận hành trạm bơm nước thải.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
50	Vận hành máy nén khí hỗn hợp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
51	- Tái sinh lưu huỳnh; - Đúc thỏi lưu huỳnh.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang chống độc; - Xà phòng.	
52	Tháo rửa đồng, rửa kiềm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Giầy vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
53	Vận hành trạm xử lý nước giải nhiệt, trạm bơm nước tuần hoàn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt;	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

		- Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	
54	Vận hành máy nghiền bi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
55	Vận hành máy sấy thùng quay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
56	Vận hành máy trộn quặng mịn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
57	Vận hành máy ép quặng mịn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
58	Vận hành máy sàng quay, sàng rửa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp;	

		- Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
59	Vận hành máy đập hàm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
60	Vận hành băng tải.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
61	Vận hành máy nâng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
62	Vận hành máy xúc lật.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

63	Vận hành máy xúc quặng đá.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy thấp cổ vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
64	Sản xuất phân bón hỗn hợp NPK	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải; - Mũ an toàn công nghiệp;; - Găng tay vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
XVII.3. Thuốc bảo vệ thực vật			
65	Tổng hợp các hoạt chất hóa học (dưới các dạng bột, hạt, lỏng) dùng làm nguyên liệu để sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su; - Giầy da vải bạt cao cổ; - Giầy da hoặc ủng cao su chống dầu(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Mặt nạ phòng độc chuyên dụng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
66	Phối liệu, gia công, sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su; - Giầy da hoặc giầy vải bạt cao cổ; - Giầy da hoặc ủng cao su chống dầu(1); - Khẩu trang lọc bụi;	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

		- Kính bảo hộ; - Mặt nạ phòng độc chuyên dụng(1); - Xà phòng.	
67	Sang chai, đóng gói các loại thuốc bảo vệ thực vật dưới các dạng (bao gồm tất cả các công đoạn trên dây truyền như: đưa vào chai, vào túi, đóng nắp, ép túi, dán nhãn, đóng hộp, đóng thúng carton).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su mỏng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Kính bảo hộ; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
68	Kiểm định, pha chế mẫu phòng thí nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Giầy vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su mỏng chống hóa chất; - Xà phòng.	
XVII.4. Chất dẻo - Cao su - Bao bì			
69	- Phối liệu hóa chất sản xuất cao su, nhựa (PVC, PE, PP); - Vận hành máy luyện cao su (luyện kín, sơ hỗn luyện, nhiệt luyện); - Tạo hình săm lốp ô tô, săm lốp xe đạp, ống dẫn, dây curoa, má phanh. - Cán hình vải mành, tráng kéo vải mành; - Ép săm ô tô, săm xe đạp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi hoặc vải bạt; - Giày bảo hộ lao động (giầy da/giầy nhựa/giầy vải…); - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang/bắn mặt nạ/mặt nạ phòng khí độc; - Kính chống các vật văng bắn; - Bông y tế; - Xà phòng.	

70	Sản xuất rulô cao su, ống sát gạo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
71	- Sàng sẩy hóa chất sản xuất cao su; - Lưu hóa các sản phẩm sản xuất từ cao su; - Can, cắt, cán tạo hình các sản phẩm cao su; - Sản xuất đệm mút.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp(1); - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị khi lưu hóa lốp ô tô (loại lốp lớn).
72	Lý trình, thí nghiệm cường lực các mặt hàng cao su vắt vải, cuộn vải, tráng PVC tại tổ sản xuất.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay sợi hoặc vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
73	- Tổng hợp PVC; - Pha màu, nấu nhựa phế thải; - Sản xuất lá cách PVC; - Vận hành máy đùn nhựa (PP, PE, PVC); - Vận hành máy thổi màng nhựa PP, PE, PVC máy cắt, dán màng nhựa PP, PE, PVC.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
74	- Vận hành máy tráng màng (giấy chống ẩm, giấy sáp), tạo sợi (PP, PE, PVC);	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ;	

	- Kéo sợi, quấn chỉ sợi tổng hợp (PP, PE, PVC).	- Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
75	- Sản xuất vỏ bao PVC, PP, PE; - Dệt vỏ bao PP, PE; - Vận hành máy cắt, gấp, in mác, may vỏ bao.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
76	Hoàn thiện các sản phẩm nhựa phun ép, màng mỏng PVC.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
77	Vận hành máy ép nhựa, máy dập vỏ hình ắc quy, lưu hóa vỏ bình ắc quy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
78	- Phun in nhãn hiệu vào mặt hàng cao su, chất dẻo; - Sản xuất keo dán gỗ, vécni; - Vận hành máy sấy hộp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
79	Kiểm tra chất lượng các sản phẩm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo choàng vải trắng; - Dép nhựa có quai hậu; - Găng tay sợi hoặc vải bạt;	

		- Mũ vải; - Giầy vải; - Xà phòng.	
80	Nghiên cứu, sản xuất các loại màng, keo đặc biệt.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải sợi; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
81	Sản xuất các sản phẩm từ giấy, carton có tiếp xúc với bụi, hóa chất, hơi khí độc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang lọc bụi chuyên dụng; - Găng tay vải; - Xà phòng.	
XVII.5. Pin - ắc quy			
82	- Trộn bột cực dương, trộn bột cọc than; - Nghiền sấy quặng măng gan.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng. - Khẩu trang/bán mặt nạ/mặt nạ chống độc - Nút tai chống ồn.	
83	Hóa hồ (chấm sáp, rót hồ, chỉnh hồ).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay cao su; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	

84	- Mài lá cách xốp; - Gia công cọc than; - Ép cọc than, dập bao than.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Găng tay vải(1); - Giầy vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Sử dụng thay thế Găng sợi đối với khâu nhúng sáp cọc than và dập bao than.
85	- Vận hành máy cắt ống kẽm, cuốn kẽm, dập vỏ pin; - Kiểm tra ống kẽm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi(1); - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Vận hành máy trang bị găng tay vải bạt.
86	Lau cắt ống kẽm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
87	- Pha chế điện dịch, sản xuất pin; - Chưng hồ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su dày; - Ủng cao su; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
88	- Nấu xi sáp (sản xuất pin); - Nấu nhựa hàn khẩu (sản xuất ắc quy).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt cao cổ; - Ủng cao su(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

89	Vận hành lò nung cọc than.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy da; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
90	Tuyển lọc quặng măng gan.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su dày; - Ủng cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
91	Nấu rót, cán kẽm làm vỏ pin.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy da; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
92	- Dập kẽm viên, mũ đồng, ống kẽm, đinh; - Đánh bóng kẽm viên, mũ đồng, dây; - Phong lắp, đổ xi lắp nắp, lắp mũ đồng, lót đáy ống kẽm; - Hàn biên, đáy, pin.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Găng tay vải(1); - Bịt tai chống ồn(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị thêm cho người làm công việc dập kẽm viên, mũ đồng, ống kẽm, đinh.
93	- Đúc hợp kim chì, bi chì, sườn cực, phụ tùng bằng chì; - Luyện chì tái sinh; - Nghiền bột chì; - Gia công, phân loại, đóng gói lá cực.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy da mũi sắt; - Kính chống các vật văng bắn; - Khẩu trang lọc bụi;	(1) Trang bị cho đúc hợp kim chì, bi chì, sườn cực, phụ tùng bằng chì; luyện chì tái sinh; nghiền bột chì.

		- Găng tay sợi[1]; - Yếm vải[1]; - Yếm cao su[2]; - Găng tay cao su[2]; - Xà phòng.	[2] Trang bị cho gia công, phân loại, đóng gói lá cực.
94	Trát cao lá cực.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải/ủng cao su; - Yếm cao su; - Găng tay chống axít, kiềm; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
95	Hàn lắp ắc quy, hàn chùm cực, hàn cầu tiếp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Mặt nạ hàn hoặc kính hàn; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng[1]; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	[1] Trang bị để dùng khi cần thiết.
96	Hóa thanh tấm cực.	- Quần áo chống axít, kiềm; - Mũ vải; - Găng tay chống axít, kiềm; - Ủng chống axít, kiềm; - Yếm chống axít, kiềm; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
97	Chế tạo bột sản xuất lá cách cao su.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn;	

		- Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
98	- Nạp điện ắc quy; - Kiểm tra ắc quy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Quần áo chống axít, kiềm(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn (1m x 1m); - Găng tay cách điện; - Găng tay chống axít, kiềm(1); - Ủng chống axít, kiềm(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
99	Thăm dò, thu hồi tấm cực và sửa chữa ắc quy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn (1m x 1m); - Găng tay cao su(1); - Ủng cao su(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi rửa vỏ bình.
XVII.6. Hơi kỹ thuật - Que hàn - Đất đèn			
100	Vận hành máy sản xuất ôxy, máy nén, máy phân ly, nạp ôxy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính chống các vật văng bắn; - Găng tay chống lạnh; - Nút tai chống ồn; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	

101	- Rửa chai, kiểm tra chai, đánh rỉ chai ôxy; - Vận hành lò điện cực sản xuất đất đèn, chưng dầu cốc; - Nghiền, sàng, sấy, trộn chất bọc que hàn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Kính chống các vật văng bắn hoặc kính chống bức xạ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang/Bán mặt nạ/Mặt nạ phòng độc; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
102	- Vận hành lò luyện đất đèn; - Hàn điện cực lò luyện đất đèn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay da; - Giầy da cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống bức xạ; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
103	Xay đất đèn, đập đất đèn, nghiền sàng than, vôi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Nút tai chống ồn; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
104	Đóng thùng đất đèn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ;	

		- Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
105	Vào liệu lò luyện đất đèn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Áo mưa(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết
106	Gò hàn vỏ điện cực lò đất đèn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ hàn điện; - Xà phòng.	
107	- Sản xuất vỏ thùng đất đèn, dập nắp, cuộn tôn; - Kéo sắt đánh rỉ que hàn, cắt lõi que hàn; - Trộn ướt, ép bánh chất bọc que hàn; - Vận hành máy ép que hàn; - Điều chế Axêtylen.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải hoặc Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
108	Bao gói, vào hộp que hàn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay sợi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	

109	Đóng thùng que hàn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
XVII.7. Sơn - Mực in			
110	Nấu nhựa ankyd, nấu keo mực in.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
111	- Xử lý nguyên liệu sản xuất sơn, mực in (sàng sẩy hóa chất, lọc dầu); - Nghiền sơn, nghiền mực; - Pha sơn, lọc sơn, đóng hộp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su; - Kính chống các vật văng bắn; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
112	Trộn, khuấy sơn cơ giới (muối, ủ sơn).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giày vải bạt cao cổ; - Găng tay cao su; - Kính chống các vật văng bắn; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Xà phòng.	
113	Nghiên cứu, chế tạo các loại mực đặc biệt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng;	

		- Kính chống các vật văng bắn; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay cao su; - Xà phòng.	
XVII.8. Bột giặt - Chất tẩy rửa			
114	- Phối liệu, pha chế hóa chất sản xuất bột giặt; - Sunphô hóa tạo kem trung tính sản xuất bột giặt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Kính chống các vật văng bắn; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
115	Sàng, phun, sấy, vận chuyển thành phẩm bột giặt, bốc xếp bột giặt trong phân xưởng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính chống các vật văng bắn; - Xà phòng.	
116	Cân, đóng gói bột giặt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khăn choàng chống nóng, nắng, bụi; - Găng tay sợi; - Giầy vải bạt thấp cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
117	Sản xuất các loại chất tẩy rủa có tiếp xúc hóa chất, hơi khí độc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang lọc bụi chuyên dụng; - Xà phòng.	

XVIII. SẢN XUẤT GIẤY - DIÊM

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	- Kẻ giấy, cắt xén giấy; - Đếm giấy, bao gói giấy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn(1); - Xà phòng.	(1) Chỉ trang bị cho người vận hành máy cắt xén giấy.
2	- Nạp nguyên liệu vào nồi nấu, nấu bã mía; - Tẩy bột, nghiền, rửa, thu hồi bột giấy; - Sản xuất giấy gia lít, giấy ảnh.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
3	Vận hành máy xeo giấy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bao tóc; - Găng tay cao su; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
4	Làm nan, ống đáy diêm, que diêm, vào tai thanh la két, bao kiệm diêm, sấy khô, xén giấy, kiểm tra que diêm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
5	Nghiền hóa chất, nấu dầu làm diêm, chấm thuốc diêm, nấu hồ làm diêm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Nút tai chống ồn; - Mũ vải;	

		- Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải; - Xà phòng.	
6	Đứng máy bỏ bao, dán nhãn, phong chục.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Xà phòng.	

XIX. SẢN XUẤT TẠP PHẨM

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Dập nắp bút máy, dập ống bọc vecsi, dập ngòi, xẻ rãnh ngòi bút, làm lưỡi gà.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng	
2	Điện phân đốt tẩy ngòi bút, cân gói mực, pha chế mực, tráng mực ru băng, rửa chai lọ, rửa nhựa tái sinh.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
3	Đánh bóng ngòi bút, đánh bóng nhựa, trộn nhựa, cán ép nhựa gói mực.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
4	Bao gói thành phẩm, dán nhãn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Xà phòng.	
5	Nấu men, nghiền men, đốt lò nung.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải;	

		- Găng tay vải bạt; - Giầy da cao cổ; - Xà phòng.	
6	Tạo hình tráng men, phun hoa khắc bản.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	

XX. SẢN XUẤT THỦY TINH - GỐM SỨ

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Gia công nguyên liệu, pha trộn nguyên liệu, vận chuyển thủy tinh, vận hành máy công nghệ sản xuất thủy tinh.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy da thấp cổ; - Xà phòng.	
2	Nấu, kéo ống hoặc kính thủy tinh.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy da cao cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Quần áo, mũ và găng tay chống nóng chuyên dùng(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi xử lý sự cố ở lò nấu hoặc máy kéo kính.
3	Cắt bẻ, phân loại và đóng hòm kính.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi;	

		- Giầy da cao cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
4	Phun nền vỏ phích, phun sơn vỏ phích, chấn lưu, rút khí chân không bóng đèn, hàn thiếc đèn, cắt thủy ngân, pha tráng bột huỳnh quang, xử lý các loại tụ đèn, đổ nhựa đường chấn lưu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
5	Điều khiển các loại máy nén, máy áp lực, sản xuất loa đèn, cắt đầu bóng đèn, thổi phích, thổi bóng đèn, lắp vỏ phích.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
6	Xử lý nước, mạ bạc phích, rửa sấy bóng đèn, kiểm nghiệm phích.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
7	Cắm dây tóc, kiểm tra đui, sấy dây tóc, ghép và điều chỉnh chấn lưu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
8	- Gia công nguyên liệu, trộn phối liệu; - Sấy khuôn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Xà phòng.	

9	- Tạo hình sản phẩm: đổ rót các loại sản phẩm gốm sứ (gồm cả sứ vệ sinh), khuôn thạch cao; - Đốt lò nung gốm sứ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su(1); - Ủng cao su hoặc giầy vải bạt chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người tạo hình sản phẩm.
10	Vẽ hoa, tô màu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay cao su; - Dép nhựa có quai hậu; - Xà phòng.	
11	Phân loại, đóng gói các sản phẩm, gốm sứ (bao gồm cả sứ vệ sinh).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	

XXI. SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
XXI.1. Tấm lợp - Gạch ngói - Ống sành sứ			
1	Vận hành máy trộn amiăng, xi măng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy vải bạt cao cổ; - Tất vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	

		- Khẩu trang/Bán mặt nạ/Mặ nạ chống độc	
2	- Vận hành máy cán, tạo sóng fibrô xi măng; - Tạo tấm fibrô xi măng bằng phương pháp thủ công.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Tất vải; - Giầy vải bạt cao cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
3	- Đào vác đất, làm nhuyễn đất; - Làm đất ở những nơi bùn nước; - Làm đất đấu; - Làm dung dịch đất sét; - Thường xuyên bê vác dung dịch đất ướt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Găng tay su; - Xà phòng.	
4	Làm đất ở các nơi khô ráo: đào đất, xăm đất, xúc đất đổ vào máy nhào luyện, xúc đất lên các phương tiện vận tải.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
5	- Đập, nghiền, sàng các loại đất khô (làm thủ công); - Điều khiển và phục vụ các loại máy nghiền sàng các loại đất khô.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	(1) Làm thủ công ngoài trời cấp nón.
6	Nghiền, sàng, trộn phối liệu làm gạch ngói, ống;	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khăn mặt bông; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học;	

		- Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
7	Nghiền, sàng, trộn phối liệu làm gạch chịu axít.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khăn mặt bông; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Găng tay chống axít, kiềm; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
8	- Tạo hình gạch (gồm cả gạch silicát, gạch men), ngói, ống; - Bảo dưỡng gạch hoa, gạch men (ceramic, granit), ngói xi măng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Găng tay cao su; - Xà phòng.	
9	Phun men lên gạch men hoặc ốp lát.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
10	Chuyên đốt lò nung: gạch (gồm cả gạch men hoặc ốp lát), ngói, ống.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	

11	- Mài bóng sản phẩm gạch men hoặc ốp lát; - Phân loại và đóng gói sản phẩm gạch men hoặc ốp lát.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
12	Làm gạch, ngói xi măng, gạch than xỉ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
13	Bốc xếp ra vào lò nung hoặc lên xuống các phương tiện vận tải: tấm lợp, gạch ngói (gồm cả gạch men), ống.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Đệm vai; - Xà phòng.	
14	Làm các loại sản phẩm bê tông đúc sẵn (kể cả bảo dưỡng).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
XXI.2. Cát sỏi			
15	Cào, xúc cát sỏi ở dưới nước lên thuyền, xà lan lên bãi chứa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
16	Khai thác cát sỏi ở trên cạn, ở các bãi sông phơi	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng;	

	cát sỏi, cào xúc cát sỏi lên bằng thuyền, lên xuống các phương tiện vận tải, thu dọn cát sỏi ở bãi chứa.	- Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
17	Rửa, chọn cát sỏi và đá (máy, thủ công).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay cao su dày; - Ủng cao su; - Găng tay vải bạt(1); - Giầy vải bạt thấp cổ; - Tạp dề hoặc yếm chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
18	Điều khiển và phục vụ các loại máy nghiền sàng cát sỏi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
19	- Nghiền sàng cát sỏi thủ công; - Cân đong cát sỏi, xi măng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
XXI.3. Đá			
20	Vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng máy đập (đập hàm, đập búa).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt;	

		- Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
21	Đập đá dăm, vận chuyển đá dăm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng. - Nút tai chống ồn	
22	Vận hành và sửa chữa máy nhai đá, nghiền đá.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Khăn mặt bông; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
23	Chuyển đá, bốc đá bỏ vào máy nhai đá, nghiền đá, chuyển đá rời khỏi khu vực nghiền đá, nhai đá.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	

24	Đục đá phiến, đục đá làm dụng cụ sản xuất, dụng cụ gia đình.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
25	Điêu khắc đá.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Yếm choàng; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
26	Điều khiển máy và phục vụ việc mài thô, mài tinh, đánh bóng đá phiến, đá hoa granitô.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt, bẩn; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
27	Sản xuất đá cắt, đá mài.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
28	Điều khiển và phục vụ máy cưa, cắt đá.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	

29	Cắt đá thủ công.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
30	Bê vác, chất xếp đá, bốc vác đá lên xuống các phương tiện vận tải.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	
31	Điều khiển các loại máy khoan đá, búa khoan lỗ mìn, nhồi thuốc mìn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Ủng cao su; - Dây an toàn chống ngã cao (dây thừng to)(1); - Nút tai chống ồn; - Khăn mặt bông; - Xà phòng	(1) Trang bị để làm việc trên cao.
XXI.4. Vôi			
32	Ra vào lò vôi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ.	

		- Khẩu trang/bán mặt nạ/Mặt nạ chống độc;	
33	- Chọn nhặt phân loại vôi, bốc xúc vận chuyển vôi (vôi bột, vôi khô) lên xuống các phương tiện vận tải, ra vào kho. - Đập, nghiền, sàng vôi khô, vôi bột (thủ công).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ.	
34	Điều khiển và phục vụ máy nghiền, trộn vôi khô, trộn phối liệu vôi cát khô.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ. - Nút tai chống ồn.	
XXI.5. Xi măng			
35	- Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng các loại bơm; - Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng cầu trục, cầu rải kho nguyên liệu, than; - Cấp liệu lò nung.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bảo hộ lao động; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng. - Khăn mặt bông; - Tất vải; - Dây đai an toàn chống ngã cao.	
36	- Vận hành máy khuấy, trộn nguyên liệu;	- Mũ bảo hộ lao động; - Khẩu trang lọc bụi;	

	- Vận hành các thiết bị vận chuyển.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng. - Tất vải.	
37	Vận hành máy nghiền sấy liên hợp (nghiền liệu, nghiền xi măng).	- Mũ bảo hộ lao động; - Nút tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Tất vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su [(1)]; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng. - Khăn mặt bông.	[(1)] Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
38	Vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng lò nung	- Mũ bảo hộ lao động; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Kính chống bức xạ[(1)]; - Khẩu trang lọc bụi; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng[(2)] - Áo quần vải bạt; - Quần áo chống nóng [(3)]; - Dây an toàn chống ngã cao [(4)]; - Găng tay chống nóng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng; - Khăn mặt bông; - Tất vải; - Găng tay chống nóng.	[(1)] Trang bị để dùng khi vận hành lò. [(2)] Trang bị chung để dùng khi cần thiết. [(3)]; Trang bị để vào kiểm tra lò nung khi mới dừng có nhiệt độ cao. [(4)] Trang bị để dùng khi sửa chữa.

39	Xúc clinker gầm lò.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bảo hộ lao động; - Găng tay chống nóng; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy da cao cổ; - Tất vải hoặc xà cạp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng; - Khăn mặt bông; - Găng tay chống nóng.	
40	Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống lọc bụi (tĩnh điện, tay áo).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bảo hộ lao động; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Giầy vải bạt cao cổ; - Tất vải hoặc xà cạp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị để dùng khi sửa chữa.
41	- Phân tích cơ lý hóa; - Vận hành máy Rơn ghen.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su mỏng; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Quần áo chống tia Rơnghen và phóng xạ(1); - Xà phòng; - Tất vải; - Găng tay chịu axít.	(1) Trang bị khi vào vận hành máy Rơn ghen.

42	Đóng xi măng vào bao.	- Mũ vải; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Tất vải. - Xà phòng	
43	Vệ sinh công nghiệp trong nhà máy xi măng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy vải bạt cao cổ; - Tất vải hoặc xà cạp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng; - Nút tai chống ồn; - Áo gile phản quang.	
44	Sửa chữa điện, cơ khí.	- Mũ bảo hộ lao động; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cách điện[(1)]; - Ủng cách điện[(1)]; - Giày chịu nhiệt, chống trơn trượt, chống dầu mỡ; - Xà phòng; - Tất vải.	[(1)] Trang bị chung theo cấp điện áp để dùng khi cần thiết.

45	Bốc vác, vận chuyển xi măng.	- Mũ bao tóc; - Khẩu trang lọc bụi; - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Găng tay vải bạt; - Đệm vai; - Tất vải hoặc xà cạp; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	
46	- Vận hành máy đập búa, hàm, cán ép; - Vận hành thiết bị xuất xi măng, clinker; - Vận hành dây chuyền sản xuất bao xi măng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bảo hộ lao động; - Găng tay vải; - Giày vải thấp cổ: - Khẩu trang lọc bụi: - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng. - Tất vải	
47	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống khí hóa than, lò nung, buồng đốt trong sản xuất gạch, ngói, sản xuất xi măng	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bảo hộ lao động; - Nút tai chống ồn; - Găng tay vải; - Mặt nạ phòng độc; - Bình tự cứu; - Máy thở chuyên dụng.	

XXII. XÂY DỰNG

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
XXII.1. Bê tông			
1	- Thợ sắt công trình;	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp;	

	- Tháo ghép khuôn bê tông, cốt pha ở các công trình xây dựng.	- Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Giày bảo hộ chống đâm xuyên; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	
2	Điều khiển và phục vụ nhào trộn phối liệu làm vữa bê tông, vữa granitô bằng máy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
3	Trộn vữa bê tông, trộn phối liệu làm granitô, xúc chuyển đầm đổ bê tông theo phương pháp thủ công.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
4	Phá bê tông.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao; - Khẩu trang lọc bụi; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	

5	Tháo ghép khuôn bê tông ở các xí nghiệp, cơ sở làm bê tông đúc sẵn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Dây an toàn chống ngã cao; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
6	Điều khiển máy phun xi măng, phun vữa, phun cát..	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
7	Điều khiển máy đầm rung bê tông, granitô (đầm áp lực).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
8	Điều khiển và phục vụ việc quay ly tâm (bằng máy).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
9	Tưới nước dưỡng hộ bê tông, granitô.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp(1); - Ủng cao su; - Xà phòng.	(1) Thay bằng Mũ, nón chống mưa nắng cho người sản xuất bê tông đúc sẵn.

XXII.2. Cầu phà đường			
10	- Cuốc đá, phá đá hộc, phá đá ở thác ghềnh, phá đá mở đường; - Đào đắp, gia cố nền đường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ghệt vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
11	- Giao nhận nhựa đường; - Lái xe chở nhựa đường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa; - Yếm da; - Găng tay vải bạt; - Giầy da thấp cổ; - Xà phòng.	
12	- Vận hành máy nấu nhựa nhũ tương, máy sấy nhựa D506; - Vận hành trống đẩy đá; - Nấu và rải nhựa đường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông. - Mũ, nón chống mưa nắng. - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Ủng cao su(1); - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng (1,2m x 0,8m); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
13	- Điều khiển máy rải thảm bê tông nhựa nóng, bù, san, té đá mặt đường	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Mũ, nón chống mưa nắng;	

	theo máy rải thảm bê tông nhựa nóng; - Phục vụ (làm thủ công) ở các trạm trộn bê tông nhựa nóng. - Rải đá, xếp đá, đầm đá mặt đường vá, chữa đường đá, đường nhựa.	- Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy da cao cổ hoặc giầy vải bạt cao cổ đế da; - Xà phòng.	
14	- Lái máy lu (máy lu hơi nước và máy lu điêden).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
15	Điều khiển máy trộn bê tông nhựa nóng.	- Áo quần vải bạt mỏng; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng; - Kính chống bức xạ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Xà phòng.	
16	Xây dựng duy tu, bảo dưỡng nhà ga, đường lăn máy bay, đường băng, sân đỗ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo chống rét(1); - Giầy vải bạt ngắn cổ; - Mũ an toàn công nghiệp; - Áo mưa; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su; - Dây an toàn chống ngã cao; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.
17	- Thợ sắt làm và sửa chữa cầu sắt;	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp;	(1) Trang bị để sử dụng khi làm việc

	- Uốn sắt bê tông cầu; - Cạo rỉ sơn cầu sắt.	- Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Giầy bảo hộ chống đâm xuyên; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Phao cứu sinh(1); - Áo mưa; - Xà phòng.	trên mặt nước hoặc trên cao.
18	Tán ri vê cầu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Bịt tai chống ồn; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Phao cứu sinh(1); - Áo mưa; - Xà phòng.	(1) Trang bị để sử dụng khi làm việc trên mặt nước hoặc trên cao.
19	Làm việc kích kéo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Đệm vai; - Giầy vải bạt cao cổ; - Áo mưa; - Xà phòng.	
20	- Trực tiếp chỉ huy thi công và sửa chữa cầu đường; - Trực tiếp hướng dẫn chỉ đạo công việc ở trạm trộn bê tông nhựa nóng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Ủng cao su; - Xà phòng.	

21	Bảo quản, sửa chữa, tháo lắp, tát nước, thủy thủ bến phà.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Phao cứu sinh(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
22	Thợ lặn.	- Quần áo chống lạnh(1); - Găng tay sợi(1); - Tất chống rét(1); - Khăn quàng chống rét(1); - Quần đùi, áo cổ vuông (2); - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông(3); - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt(3); - Giầy vải bạt thấp cổ(3); - Bộ quần áo thợ lặn(4); - Bình dưỡng khí(4); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi lặn có dụng cụ. (2) Trang bị để dùng khi lặn vo. (3) Trang bị để dùng khi làm các công việc lao động khác ngoài thời gian lặn và phục vụ lặn. (4) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
23	Điện thoại viên, dây hiệu viên phục vụ lặn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
XXII.3. Điều khiển máy, thiết bị thi công			
24	- Điều khiển máy đóng cọc; - Điều khiển máy bơm hút bùn nước lưu động ở các công trường xây dựng, khai thác.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

25	Điều khiển các loại máy đào đất, san đất, đầm, xúc, ngoạm đất cho công trường xây dựng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo mưa; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
26	- Điều khiển tời điện, tời vận thăng, máy vận thăng thiên xa; - Điều khiển tời quay tay; - Chuyên móc cáp, móc các cấu kiện, móc cáp phục vụ xây lắp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
27	Điều khiển các loại máy thi công khác.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
XXII.4. Xây lắp, sửa chữa và phục vụ thi công			
28	Đào móng, đào hào, đào giếng, san bãi, san nền.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
29	Phụ nề.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học;	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.

		- Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Dây an toàn chống ngã cao; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
30	Xây dựng, sửa chữa công trình.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Phao cứu sinh(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
31	Chuyên sửa chữa lò nung, lò sấy, lò hơi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Dây đai an toàn chống ngã cao; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
32	Xây, sửa chữa ống khói lò cao.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Quần áo chống lạnh(1); - Mũ chống lạnh(1); - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao;	(1) Cấp khi làm việc trên cao về mùa rét.

		- Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
33	Xây, đặt đường cống ngầm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Ủng cao su(1); - Khăn mặt bông; - Xà phòng;	(1) Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
34	Xây, bảo quản, sửa chữa: cống nhỏ, ngõ nghẽn, hàm ếch.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Ủng cao su(1); - Khăn mặt bông; - Xà phòng;	(1) Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
35	- Sơn tường và cạo tường quét vôi; - Đục tường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

36	Trát trần theo lối vãi bằng tay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
37	Đào, lắp đặt, sửa chữa đường ống.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Dây an toàn chống ngã cao; - Phao cứu sinh(1); - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
38	- Chuyên làm việc bảo ôn, chống thấm; - Đào, lắp đặt, sửa chữa đường ống hơi, ống dẫn nước; - Đào, lắp, sửa chữa đường ống sành sứ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
39	Mài, đẽo, đập (thủ công) các loại gạch	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông;	

		- Mũ, nón chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
40	Pha trộn bê tum, nấu bê tum, quét bê tum.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Ủng cao su(1); - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khẩu trang lọc bụi; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
41	Cắt kính, lắp kính và trát mát tít.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
42	Sửa chữa vì kèo; làm nhà gỗ, tre, lán trại; làm giàn giáo, tháo dỡ giàn giáo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Đệm vai; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Phao cứu sinh(1); - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
43	Chuyên sửa chữa các dụng cụ phục vụ các công trường xây dựng,	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ;	

	sản xuất vật liệu xây dựng.	- Khăn mặt bông; - Xà phòng.	
44	Phất cờ hiệu trên công trường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Kính chống bức xạ; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khăn mặt bông; - Xà phòng.	

XXIII. THỦY LỢI

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
1	Trắc địa phục vụ cho việc lập bản đồ quy hoạch hoặc thiết kế các công trình thủy lợi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Quần áo và mũ chống lạnh(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc tại vùng rét.
2	- Trắc địa phục vụ đo đạc khối lượng dự toán nghiệm thu các công trình thủy lợi, cắm tàu nạo vét sông ngòi; - Trắc địa đo đạc độ sâu lòng sông, dự toán khối lượng các công trình đê điều của các đội khảo sát đê.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Tất chống vắt hoặc đỉa(1); - Phao cứu sinh(2); - Áo mưa; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc ở nơi có vắt hoặc đỉa. (2) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
3	Sửa chữa tàu thuyền, ca nô ở các ụ đà.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa;	

		- Găng tay vải bạt; - Đệm vai; - Xà phòng.	
4	Quản lý công trình điều hòa phân phối nước, cạo hà, cạo gỉ sắt, lau chùi dây cáp, đóng cửa cống.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt ngắn cổ; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học (1); - Áo mưa; - Ủng cao su(2); - Xà phòng.	(1) Trang bị để dùng khi cạo rỉ sắt. (2) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
5	- Quản lý, sửa chữa đê, kè, cống; - Trồng và chăm sóc cây chắn sóng, chống sói mòn công trình thủy lợi; - Đào đắp, vận chuyển đất đá, vật liệu xây dựng, bảo vệ các công trình thủy lợi (kênh, mương, đê, bờ bao).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Ủng cao su(1); - Áo mưa; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
6	Thủy thủ, thuyền viên, kỹ thuật viên, thợ điện, thợ máy tàu công trình thủy lợi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Quần áo và mũ chống lạnh(1); - Áo mưa; - Giầy cao su; - Găng tay vải bạt; - Phao cứu sinh(2); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. (2) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
7	Vận hành máy khoan khảo sát địa chất công trình thủy lợi;	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp;	

		- Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Quần áo chống lạnh; - Mũ chống lạnh; - Tất chống vắt; - Xà phòng.	
8	Khoan phụt vữa, xi măng, sét các công trình thủy lợi, gia cố nền móng, chống thấm nền móng và thân công trình thủy lợi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Quần áo chống lạnh; - Mũ chống lạnh; - Xà phòng.	
9	Đo địa chấn, nổ mìn, đập búa tạo độ rung.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Quần áo chống lạnh; - Mũ chống lạnh; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	

XXIV. GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số TT	Tên nghề, công việc	Tên trang bị	Ghi chú
XXIV.1. Đường sắt			
1	- Lái tàu, phụ lái tàu; - Lái ô tô ray; - Lái goòng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông[(1)]; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt;	[(1)] Trang bị khi không cấp đồng phục.

		- Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	
2	- Trưởng, phó tàu; - Hành lý viên giao nhận hàng hóa theo tàu; - Trực ban chạy tàu ga; - Phục vụ hành khách, hàng hóa trên tàu và dưới ga (nhân viên ăn uống, khách vận và hóa vận); - Chỉ đạo xếp dỡ; - Phục vụ giao tiếp hành khách, hàng hóa, toa xe và phiên dịch tại ga biên giới liên vận quốc tế.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông(1); - Mũ vải; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	(1) Trang bị khi không cấp đồng phục.
3	Áp tải kỹ thuật trên tàu (kỹ thuật điện hoặc kỹ thuật toa xe).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông (1); - Găng tay cách điện hoặc găng tay vải bạt; - Nút tai chống ồn; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	(1) Trang bị khi không cấp đồng phục.
4	- Khám xe làm việc ở các ga, trạm; - Kiểm tra, trực giải quyết trở ngại thông tin tín hiệu ở các ga, trạm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông(1); - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt hoặc ủng cao su; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	(1) Trang bị khi không cấp đồng phục.
5	Lâm tu chỉnh bị đầu máy, toa xe.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông(1); - Mũ an toàn công nghiệp;	

		- Găng tay vải bạt; - Giầy chống xăng, dầu mỡ (giầy da, giầy vải chống xăng, dầu, mỡ); - Xà phòng.	
6	Nguội sửa chữa, bảo quản, lắp ráp các loại phụ tùng đầu máy, toa xe.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Giầy vải bạt; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
7	Nguội sửa chữa, bảo dưỡng, lắp ráp các loại máy, thiết bị có nhiều dầu mỡ: giá chuyển hướng, đầu đấm móc nối, hệ thống hãm đầu máy và toa xe, máy bơm dầu, các thiết bị chứa dầu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Nút tai chống ồn; - Xà phòng.	
8	- Nguội sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành các loại máy diezen, máy phát điện, máy nén gió, nguồn điện; - Sửa chữa, bảo dưỡng máy điều hòa không khí lắp trên đầu máy, toa xe	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cách điện(1); - Ủng cách điện(1); - Nút tai chống ồn; - Áo mưa vải bạt(2); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. (2) Trang bị khi làm việc ngoài trời.

9	Trưởng dồn, ghép nối đầu máy, toa xe, dẫn máy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo phản quang; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	(1) Trang bị khi không cấp đồng phục.
10	Gác ghi, gác đường ngang, gác cầu chung.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông (1); - Áo phản quang; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa vải bạt; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Xà phòng.	(1) Trang bị khi không cấp đồng phục
11	Tuần đường, cầu, hầm, gác hầm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông(1); - Áo phản quang; - Mũ vải; - Giầy vải bạt; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	
12	Đại tu, duy tu cầu, đường sắt, thông tin tín hiệu, kiến trúc.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo phản quang; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt; - Đệm vai; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	
13	Nấu ăn phục vụ tại các đội, cung cầu và cung đường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Yếm hoặc tạp dề chống ướt bẩn;	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Giầy vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Ủng cao su(1); - Áo mưa vải bạt(1); - Xà phòng.	
14	Hóa nghiệm.	- Áo choàng vải trắng; - Mũ vải trắng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su (1); - Ủng cao su; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
15	Lồng bánh xe lửa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải bạt; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
16	- Sửa chữa chi tiết, phụ tùng, đệm ghế toa xe; - Mộc lắp ráp, sửa chữa toa xe.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt; - Găng tay vải bạt; - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
17	Cấp nước đầu máy, toa xe. Kỹ thuật viên nhiệt lực, đội trưởng lái máy, điểm xe thương vụ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	

18	- Lau, quét rửa toa xe; - Vệ sinh công nghiệp trong nhà xưởng; - Vệ sinh sân ga, nhà kho, bến bãi.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Ủng cao su hoặc giầy vải; - Găng tay vải bạt hoặc găng tay cao su; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo mưa vải bạt; - Xà phòng.	
XXIV.2. Đường bộ			
19	- Lái xe kiêm sửa chữa các loại xe con, xe chở khách; - Lái xe kiêm sửa chữa xe tang, xe cứu thương; - Lái xe kiêm sửa chữa xe điều chuyển hàng đặc biệt (tiền, vàng, đá quý).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Áo mưa; - Chiếu cá nhân; - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ; - Xà phòng.	
20	- Lái các loại xe ô tô, môtô ba bánh có thùng hoặc hòm chở hàng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Mũ bảo hiểm đi mô tô(1); - Kính đi mô tô(1); - Chiếu cá nhân(2); - Xà phòng.	(1) Trang bị để dùng khi lái xe không mui. (2) Trang bị cho lái xe kiêm sửa chữa.
21	- Phụ xe: bán vé và chất xếp hàng hóa đi theo xe khách.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất;	

		- Mũ vải; - Xà phòng.	
22	- Lái xe vận tải: - Lái các loại xe vận tải hàng hóa, nguyên vật liệu, trang thiết bị, thực phẩm. - Phụ lái, áp tải các loại xe vận tải hàng hóa nguyên vật liệu.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Khăn mặt bông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Chiếu cá nhân(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho lái xe kiêm sửa chữa.
23	- Lái xe, phụ lái các xe ô tô thi công hoặc trực tiếp phục vụ trên các công trường xây dựng, thủy lợi, khảo sát địa chất, khai thác vật liệu xây dựng, trong dây chuyền sản xuất bê tông. - Lái xe vận tải hạng nặng từ 10 tấn trở lên.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Nịt bụng(1); - Chiếu cá nhân(2); - Áo mưa có mũ(3); - Xà phòng.	(1) Cho loại xe trên 10 tấn. (2) Trang bị cho lái xe kiêm sửa chữa. (3) Trang bị cho lái xe không mui.
24	- Đội trưởng, đội phó, nhân viên kỹ thuật thường xuyên theo xe để hướng dẫn công tác hoặc trực tiếp lái xe.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Xà phòng.	
25	- May đệm ô tô, máy kéo; - Vá săm, đắp lốp ô tô.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	

26	Sửa xe, bơm dầu mỡ và lau chùi xe ô tô.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Mũ vải; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
27	Sửa chữa ô tô lưu động theo các tổ đội, đoàn xe.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang; - Găng tay chống hóa chất; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Chiếu cá nhân; - Xà phòng.	
28	Kiểm tra an toàn xe ô tô, khám xe ô tô.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Xà phòng.	
29	- Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị của hầm đường bộ; - Giám sát đảm bảo giao thông, vệ sinh trong hầm đường bộ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy chống xăng, dầu, mỡ, a xít (giầy da, giầy vải chống xăng, dầu, mỡ, a xít); - Mũ an toàn công nghiệp(1); - Khẩu trang lọc bụi (dùng than hoạt tính); - Chụp tai, nút tai chống ồn; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo phản quang; - Ủng cách điện(1); - Găng tay cách điện(1);	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Găng tay chống axit, kiềm; - Dây an toàn chống ngã cao[(1)]; - Áo mưa; - Quần áo chống vi khuẩn (bằng giấy chuyên dụng); - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	
30	Bảo vệ hầm đường bộ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải; - Khẩu trang lọc bụi (dùng than hoạt tính); - Chụp tai, nút tai chống ồn; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo phản quang; - Áo mưa; - Găng tay vải bạt; - Xà phòng.	[(1)] Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
31	Phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn hầm đường bộ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy da chống nóng, chống cháy; - Mũ an toàn công nghiệp; - Quần áo chống nóng, chống cháy; - Khẩu trang lọc bụi (dùng than hoạt tính); - Mặt nạ chống hơi độc; - Găng tay chống nóng, chống cháy; - Găng tay vải; - Chụp tai, nút tai chống ồn; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo phản quang; - Găng tay cách điện [(1)]; - Dây an toàn chống ngã cao [(1)]; - Áo mưa;	[(1)] Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Quần áo chống vi khuẩn; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
32	Thu phí cầu đường bộ, thu cước phà.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Quần áo chống lạnh(1); - Mũ an toàn công nghiệp hoặc mũ kepi; - Giầy da; - Khẩu trang lọc bụi (dùng than hoạt tính); - Chụp tai, nút tai chống ồn; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo phản quang(2); - Áo mưa; - Ủng cao su.	(1) Trang bị làm việc ở vùng rét. (2) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
33	Tuần tra cầu đường bộ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Giầy vải; - Mũ an toàn công nghiệp, mũ vải hoặc nón lá; - Khẩu trang lọc bụi (dùng than hoạt tính); - Dây đeo an toàn(1) - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Áo phản quang(1); - Áo mưa; - Ủng cao su.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
34	Xây dựng, sửa chữa cầu đường bộ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo mưa; - Mũ an toàn công nghiệp, mũ vải hoặc nón lá; - Giầy vải; - Áo phản quang(1); - Kính mầu chống bức xạ(1);	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Ủng cao su; - Găng tay vải; - Xà phòng; - Dây đeo an toàn(1); - Phao cứu sinh(1); - Đệm vai(1).	
35	Chỉ huy, kỹ thuật viên giám sát thi công tại các công trình xây dựng, sửa chữa cầu, đường bộ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo mưa; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải; - Ủng cao su(1); - Xà phòng; - Dây đeo an toàn(1); - Phao cứu sinh(1).	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
36	Thí nghiệm vật liệu xây dựng công trình giao thông.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi (dùng than hoạt tính); - Giầy vải; - Ủng cao su; - Găng tay (vải, cao su); - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
XXIV.3. Đường thủy			
37	- Lái tàu, thuyền trưởng, thuyền phó, chính trị viên, quản trị trưởng tàu vận tải, tàu công trình, tàu cấp cứu biển; - Thủy thủ các loại tàu biển (trừ tàu cá).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp(1); - Quần áo và mũ chống lạnh(1); - Áo mưa; - Giầy cao su(1); - Phao cứu sinh(2);	(1) Đã trang bị đồng phục thì không trang bị nữa. (2) Trang bị để dùng khi cần thiết.

		- Găng tay vải bạt; - Xà phòng. - Kính bảo hộ lao động; - Đèn pin; - Bịt tai chống ồn	
38	Thuyền trưởng, thuyền phó, thủy thủ làm việc trên phương tiện thủy nội địa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Áo mưa; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Mũ chống lạnh(1); - Găng tay vải bạt; - Phao cứu sinh(2); - Xà phòng. - Kính bảo hộ lao động; - Đèn pin; - Bịt tai chống ồn	(1) Trang bị cho người làm việc ở vùng khí hậu rét. (2) Trang bị để dùng khi cần thiết.
39	Máy trưởng, máy phó, thợ máy, thợ chấm dầu, kỹ thuật viên các loại máy trên tàu biển. Máy trưởng, máy phó, thợ máy phương tiện thủy nội địa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy chống xăng, dầu mỡ; - Bịt tai chống ồn; - Phao cứu sinh(1); - Xà phòng. - Găng tay cách điện; - Ủng cách điện. - Kính bảo hộ lao động; - Đèn pin; - Mũ có tấm kính che mặt	(1) Trang bị để dùng khi cần thiết.
40	Thợ điện làm việc trên các loại tàu biển, tàu sông (kể cả tàu vận tải và tàu công trình thủy).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay cách điện(1); - Ủng cách điện(1);	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Phao cứu sinh(1); - Xà phòng. - Đèn pin; - Kính bảo hộ lao động.	
41	Hoa tiêu (hướng dẫn tàu ra, vào cảng).	- Áo mưa; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Đèn pin; - Xà phòng.	
42	- Vô tuyến điện trên tàu biển; - Phiên dịch trên tàu biển.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông(1); - Phao cứu sinh(2); - Mũ vải; - Đèn pin; - Xà phòng.	(1) Nếu được trang bị đồng phục thì thôi. (2) Trang bị để dùng khi cần thiết.
43	Vệ sinh trên tàu biển.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Khẩu trang lọc bụi; - Mũ vải; - Ủng cao su; - Đèn pin; - Xà phòng.	
44	- Thợ đèn đảo: bảo quản, sửa chữa và gác đèn đảo (kể cả thợ máy điện); - Bảo quản, sửa chữa và thay đèn biển, đèn cửa sông giáp biển.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Găng tay vải bạt(1); - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Áo mưa(2); - Ủng cao su; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Phao cứu sinh(3); - Đèn pin; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. (2) Trang bị chung để dùng khi đi tuần tra, canh gác. (3) Trang bị để dùng chung.

45	Làm việc ở các trạm hàng giăng thả phao, thắp đèn, cầm biển báo.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng(1); - Găng tay vải bạt; - Áo mưa(2); - Giầy vải bạt thấp cổ; - Phao cứu sinh(2); - Đèn pin; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc ngoài trời. (2) Trang bị chung để dùng khi cần thiết
46	Duy tu đường sông: phá bãi bồi, thanh thải các chướng ngại vật ven sông.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Phao cứu sinh(1); - Đèn pin; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để sử dụng khi cần thiết.
47	Cạo hà, cạo gỉ và sơn phao đèn biển; cạo hà, cạo gỉ các loại tàu biển, tàu sông.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng (1,2m x 1,8m); - Khẩu trang lọc bụi; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Bịt tai chống ồn(1); - Đèn pin; - Xà phòng.	(1) Trang bị để dùng khi gõ cạo gỉ bằng máy.
48	- Làm nhiệm vụ buộc, cởi dây tàu thuyền ở bến cảng; - Xây dựng và sửa chữa các công trình đèn đảo, đèn biển.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt;	

		- Đèn pin; - Xà phòng.	
49	Lao động ụ đà, xưởng sửa chữa phương tiện thủy nội địa.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Đệm vai; - Đèn pin; - Xà phòng.	
50	- Vận tải thuyền thủ công; - Vận hành ca nô, thuyền phà, bè mảng.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Đèn pin; - Xà phòng.	
51	Hướng dẫn người xe qua phà, cầu phao.	- Áo mưa; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Đèn pin; - Xà phòng.	
52	Công nhân khảo sát đường thủy nội địa	- Quần áo vải dầy; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay; - Áo mưa; - Giầy vải; - Ủng cao su; - Tất chống vắt đỉa; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Phao cứu sinh(1);	(1) Trang bị chung để dùng khi đi khảo sát.

		- Đèn pin; - Xà phòng.	
53	Công nhân quản lý đường thủy nội địa.	- Quần áo vải dầy; - Quần áo và mũ chống lạnh; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Giầy vải; - Ủng cao su; - Tất chống vắt đỉa; - Phao cứu sinh(1); - Đèn pin; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
54	Công nhân sản xuất và lắp đặt báo hiệu đường thủy.	- Quần áo vải dầy; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Bịt tai chống ồn(1); - Găng tay vải bạt; - Găng tay da; - Áo mưa; - Giầy vải; - Ủng cao su; - Tất chống vắt đỉa; - Dây an toàn chống ngã cao(1); - Phao cứu sinh(1); - Yếm hoặc tạp dề cao su chống axít(1); - Đèn pin; - Xà phòng.	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết

55	Thuyền trưởng, Máy trưởng làm việc trên tàu công tác quản lý đường thủy nội địa	- Quần áo vải dầy; - Mũ an toàn công nghiệp, Mũ chống lạnh; - Găng tay; - Áo mưa; - Giầy vải; - Dép nhựa có quai hậu; - Phao cứu sinh; - Đèn pin; - Xà phòng.	
XXIV.4. Đường hàng không			
56	Vệ sinh công nghiệp máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp hoặc mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải sợi; - Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Áo mưa; - Áo choàng chống ướt bẩn; - Găng tay cao su chuyên dùng; - Ủng cao su; - Áo phản quang(1); - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn(2); - Áo quần chống rét(3); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. (2) Trang bị cho người phải tiếp xúc với độ ồn cao. (3) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.
57	Vệ sinh, quét dọn trên máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động gắn thêm phản quang; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giày da thấp cổ có mũi sắt; - Găng tay cao su; - Áo mưa; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn;	(1) Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. (2) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. (3) Sử dụng khi trời mưa.

		- Áo phản quang(1); - Quần áo chống lạnh gắn thêm dải phản quang(2); - Dép nhựa quai hậu (1) (3); - Xà phòng.	
58	Hút rửa buồng vệ sinh ở máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động gắn thêm phản quang; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Giầy da thấp cổ; - Găng tay cao su; - Áo mưa; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Áo phản quang; - Quần áo chống lạnh(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.
59	Giặt thảm máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay chống ướt, bẩn; - Ủng cao su hoặc giầy cao su; - Yếm chống ướt, bẩn; - Xà phòng.	
60	- Lái các loại xe đặc chủng phục vụ bay: + Lái xe dẫn đường máy bay, xe đầu kéo máy bay; + Lái xe thang, xe tải chở hàng; - Lái xe phục vụ chở người ngoài sân đỗ máy bay;	- Quần áo bảo hộ lao động gắn thêm phản quang; - Mũ vải; - Găng tay vải sợi tráng hạt; - Giầy da cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa; - Áo phản quang(1); - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn(2); - Áo quần chống rét(3);	(1) Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. (2) Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với độ ồn cao. (3) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.

	- Lái xe thùng cung ứng, giao nhận suất ăn cho hành khách trên máy bay.	- Dép nhựa quai hậu hoặc giày nhựa[1][4]; - Xà phòng.	[4] Sử dụng khi trời mưa.
61	Thợ sửa chữa, vận hành trang thiết bị bay mặt đất.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Ủng cao su chống dầu; - Mũ vải; - Giầy mũi sắt chống trơn trượt; - Găng tay chống dầu; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Găng tay len có gai; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Áo chống rét[1]; - Áo mưa[2]; - Xà phòng.	[1] Trang bị khi làm việc ở vùng rét. [2] Trang bị tập thể để làm ngoài sân bay.
62	Lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng thiết bị trung tâm.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy da chống trơn trượt cách điện; - Kính màu chống bức xạ[1]; - Găng tay vải sợi; - Găng tay cao su cách điện; - Nút tai chống ồn[2]; - Xà phòng.	[1] Trang bị chung để dùng khi cần thiết. [2] Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với độ ồn cao.
63	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị đo lường, kiểm chuẩn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải sợi; - Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Xà phòng.	

64	- Thợ bơm xăng dầu, thu nạp dầu thải cho máy bay; - Lái xe tra nạp xăng dầu cho máy bay; - Hóa nghiệm, viết phiếu tại sân đỗ máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Khẩu trang lọc bụi; - Khẩu trang/bắn mặt nạ/Mặt nạ chống độc; - Giầy vải bạt thấp cổ hoặc dép quai hậu; - Áo mưa; - Áo phản quang; - Găng tay chống xăng, dầu, mỡ(1); - Ủng cao su chống dầu(1); - Quần áo chống lạnh(2); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với dầu mỡ. (2) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.
65	- Giám sát, điều hành dịch vụ mặt đất; - Điều hành, thống kê tại sân đỗ; - Hướng dẫn hành khách đi, đến bằng máy bay; - Giao nhận, làm tải và giám sát bốc xếp hàng hóa lên xuống máy bay. - Điều độ, phục vụ cung ứng giao nhận suất ăn cho hành khách - Nhân viên cân bằng trọng tải	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông(1); - Mũ vải(1); - Giày da cao cổ có mũi sắt; - Găng tay vải sợi; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Áo mưa; - Áo phản quang(2); - Quần áo chống lạnh gắn phản quang(3); - Dép nhựa quai hậu hoặc giày nhựa(2)(4); - Xà phòng.	(1) Nếu đã được trang bị đồng phục thì thôi. (2) Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. (3) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. (4) Sử dụng khi trời mưa.
66	Cung ứng vật tư khí tài máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Găng tay vải sợi; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Áo mưa;	(1) Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. (2) Sử dụng khi trời mưa.

		- Áo phản quang[1]; - Dép nhựa quai hậu[1] [2]; - Xà phòng.	
67	- Thợ sơn máy bay và các thiết bị khác; - Thợ mạ chi tiết.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp hoặc mũ vải; - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Bán mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Găng tay cao su chống hóa chất chuyên dùng[1]; - Ủng chống axít, kiềm[1]; - Yếm hoặc tạp dề chống hóa chất chuyên dùng[1]; - Dây an toàn chống ngã cao[1]; - Áo phản quang[2]; - Xà phòng.	[1] Trang bị chung để dùng khi cần thiết. [2] Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay.
68	May, vá lợp cánh máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giày vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Khẩu trang lọc bụi; - Áo phản quang[1]; - Dép nhựa quai hậu [1] [2]; - Xà phòng.	[1] Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. [2] Sử dụng khi trời mưa.
69	Thợ cơ giới máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy da chống trơn trượt; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cao su chống hóa chất chuyên dùng; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn;	[1] Trang bị chung để dùng khi cần thiết. [2] Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. [3] Trang bị cho người làm việc ngoài trời.

		- Dây an toàn chống ngã cao[1]; - Áo phản quang[2]; - Áo mưa[3]; - Dép nhựa quai hậu[2] [4]; - Xà phòng.	[4] Sử dụng khi trời mưa.
70	Thợ đặc thiết máy bay (thợ điện, đồng hồ).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy da chống trơn trượt; - Găng tay vải bạt; - Găng tay cách điện; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn[1]; - Áo phản quang[2]; - Áo mưa[3]; - Quần áo chống lạnh[4]; - Dép nhựa quai hậu[2] [5]; - Xà phòng.	[1] Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với độ ồn cao. [2] Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. [3] Trang bị cho người làm việc ngoài trời. [4] Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. [5] Sử dụng khi trời mưa.
71	- Nhân viên điều hành khai thác bay; - Nhân viên hướng dẫn máy bay vào sân đỗ; - Nhân viên bảo trì đường băng, sân đỗ máy bay.	- Áo mưa; - Áo chống rét[1]; - Bịt tai chống ồn[2]; - Áo phản quang[3] - Mũ vải; - Ủng cao su; - Xà phòng.	1) Trang bị khi làm việc ở vùng rét. [2] Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với độ ồn cao. [3] Trang bị cho nhân viên hướng dẫn máy bay vào sân đỗ.
72	- Thợ vô tuyến, ra đa; - Nhân viên phòng hiệu chuẩn đo lường.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải;	[1] Trang bị chung để dùng khi cần thiết.

		- Găng tay vải bạt; - Giầy da thấp cổ; - Kính chống bức xạ; - Găng tay cách điện(1); - Bộ quần áo chống điện từ trường(1); - Mũ an toàn công nghiệp chống điện từ trường(1); - Áo mưa(2); - Áo phản quang(3); - Quần áo chống lạnh(4); - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn(5); - Dép nhựa quai hậu(3) (6); - Xà phòng.	(2) Trang bị cho người làm việc ngoài trời. (3) Trang bị cho người làm việc tại sân đỗ máy bay. (4) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. (5) Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với độ ồn cao. (6) Sử dụng khi trời mưa.
73	Rửa lọc siêu âm máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Găng tay chống hóa chất chuyên dùng; - Xà phòng.	
74	Công nhân sửa chữa các đài thu phát sóng siêu cao tần UHF, NDB, ILS vệ tinh vi ba, VOR, DME, VHF, RADAR.	- Quần áo chống điện từ trường(1); - Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo chống rét(2); - Giầy da đế cao su cách điện; - Kính chống điện từ trường; - Bịt tai chống ồn(3); - Mũ chống điện từ trường; - Mũ vải; - Găng tay cách điện; - Găng tay vải bạt; - Áo mưa(4); - Xà phòng. - Dây đai an toàn chống ngã cao	(1) Trang bị chung để dùng khi cần thiết. (2) Trang bị cho người làm việc ngoài trời ở vùng rét. (3) Trang bị cho người khi làm việc phải tiếp xúc với độ ồn cao. (4) Trang bị cho bộ phận làm việc ở ngoài trời.

75	Vệ sinh công nghiệp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Áo chống rét(1); - Mũ vải; - Ủng cao su chống dầu(2); - Giầy da thấp cổ; - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc ở vùng có rét. (2) Trang bị chung để dùng khi cần thiết.
76	Nhân viên tìm kiếm, cứu nguy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Giầy da chống trơn trượt; - Mũ vải; - Áo mưa; - Xà phòng.	
77	Bốc xếp, nhận, trả hành lý hoặc hàng hóa.	- Quần áo bảo hộ lao động gắn thêm phản quang; - Găng tay vải bạt tráng sợi hoặc găng tay 3; - Áo chống rét thêm dải phản quang(1); - Giầy da thấp cổ; - Áo mưa(2); - Ủng cao su; - Mũ vải; - Đệm vai; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét. (2) Trang bị chung theo ca trực để dùng khi cần thiết.
78	Bốc xếp hành lý hoặc hàng hóa lên xuống máy bay.	- Quần áo bảo hộ lao động gắn thêm phản quang; - Găng tay len; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay len có gai hở 3 ngón;	(1) Trang bị cho người làm việc ở vùng rét.

		- Giày da thấp cổ có mũi sắt; - Mũ vải; - Đệm vai; - Nút tai hoặc bịt tai chống ồn; - Áo mưa; - Ủng cao su; - Áo phản quang; - Quần áo chống lạnh có thêm dải phản quang(2); - Kính màu chống bức xạ - Xà phòng.	
79	Nhân viên an ninh hàng không.	- Áo chống rét(1); - Áo mưa; - Găng tay vải sợi; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su chuyên dùng; - Giầy nhựa đi mưa; - Nút tai chống ồn(2); - Kính chống bức xạ(2); - Áo phản quang(2); - Quần áo chống nóng, chống cháy(3); - Giầy da cách điệ (3); - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng(3). - Ủng cao su; - Mũ, nón chống mưa nắng(4); - Xà phòng.	(1) Trang bị khi làm việc ở vùng có rét. (2) Dùng cho nhân viên bảo vệ sân đỗ. (3) Chỉ trang bị dùng chung cho nhân viên an ninh, đặc nhiệm. (4) Nếu đã được trang bị đồng phục thì thôi.
80	Nhân viên kiểm tra, giám sát an ninh hàng không tại khu bay, sân đỗ máy bay.	- Mũ vải; - Nút tai chống ồn; - Áo mưa; - Áo phản quang(1); - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su.	(1) Trang bị chung cho ca trực để dùng khi cần thiết.

81	Nhân viên kiểm tra, giám sát an toàn hàng không tại khu bay, sân đỗ máy bay.	- Mũ vải; - Nút tai chống ồn; - Áo mưa; - Áo phản quang(1); - Giầy vải bạt cao cổ chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Kính chống điện từ trường(1); - Bộ quần áo chống điện từ trường(1); - Mũ an toàn công nghiệp chống điện từ trường(1).	(1) Trang bị chung cho ca trực để dùng khi cần thiết.
82	Nhân viên kiểm tra, giám sát môi trường tại khu bay, đỗ sân máy bay.	- Mũ vải; - Nút tai chống ồn; - Áo mưa; - Áo phản quang(1); - Ủng cao su.	(1) Trang bị chung cho ca trực để dùng khi cần thiết.
83	- Nhân viên cân bằng trọng tải; - Nhân viên hướng dẫn chất xếp hành lý.	- Quần áo bảo hộ lao động gắn thêm phản quang; - Mũ vải; - Bịt tai chống ồn; - Áo mưa; - Găng tay len có gai; - Giầy vải bạt chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Áo phản quang - Xà phòng.	
84	Nhân viên phòng cháy chữa cháy hàng không.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ bảo vệ; - Găng tay vải bạt; - Giầy da cao cổ; - Áo mưa; - Mặt nạ phòng độc chuyên dùng; - Quần áo chống nóng, chống cháy;	

		- Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	
85	- Nhân viên kho hành lý thất lạc; - Nhân viên kho vật tư hàng hóa, nguyên vật liệu, trang thiết bị (kể cả giao nhận, bảo quản).	- Quần áo bảo hộ lao động gắn thêm phản quang; - Giày da thấp cổ có mũi sắt - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su y tế; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
86	Nhân viên y tế hàng không.	- Quần áo vải trắng; - Mũ vải trắng hoặc mũ bao tóc; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su y tế; - Ủng cao su; - Áo mưa(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị chung cho ca trực để sử dụng khi cần thiết.
87	Nhân viên quản lý ULD (nhân viên quản lý các thùng hàng được vận chuyển bằng xe đầu kéo).	- Áo phản quang; - Mũ vải; - Nút tai chống ồn hoặc bịt tai chống ồn; - Áo mưa. - Quần áo bảo hộ lao động gắn thêm phản quang; - Găng tay len có gai; - Giày vải bạt chống trơn trượt; - Ủng cao su; - Xà phòng.	
88	Quan trắc khí tượng hàng không.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Ủng cao su; - Áo mưa; - Mũ vải;	

		- Kính chống bức xạ; - Găng tay vải bạt; - Áo choàng vải xanh.	
89	Nhân viên vận hành kiêm sửa chữa, bảo dưỡng máy, thiết bị văn phòng (máy vi tính, photocopy, máy điện thoại, fax).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay cao su; - Xà phòng; - Bán mặt nạ chuyên dùng(1);	(1) Dùng chung khi cần thiết.
90	Nhân viên kiểm soát các phương tiện mặt đất.	- Áo phản quang; - Ủng cao su. - Giày da thấp cổ có mũi sắt	
XXIV.5. Bốc xếp			
91	- Lái cẩu: + Cẩu chân đế, cẩu chuyển, cẩu nổi, cẩu bánh lốp, cẩu bánh xích, cẩu thiếu nhi; + Lái xe nâng hàng và điều khiển các loại xe cần trục, cầu trục; - Lái máy kéo bánh lốp, bánh xích.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải(1); - Găng tay vải bạt; - Áo mưa; - Áo phản quang; - Khẩu trang chống bụi; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	(1) Trang bị Mũ an toàn công nghiệp cho người điều khiển loại xe không có mui che.
92	Điều khiển các loại băng chuyền tải hàng có nhiều bụi bẩn như: than, đất, cát, sỏi, vôi, xi măng (kể cả việc dọn thải tạp chất).	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng (1,2 x 0,8m); - Ủng cách điện(1);	(1) Trang bị chung theo băng chuyền.

		- Áo mưa; - Xà phòng.	
93	Điều khiển các loại xe do súc vật kéo và chăm sóc súc vật, có làm nhiệm vụ bốc xếp hàng hóa lên xuống các phương tiện đó.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ, nón chống mưa nắng; - Khẩu trang lọc bụi(1); - Găng tay vải bạt(1); - Đệm vai(1); - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người kiêm cả bốc xếp.
94	Điều khiển các loại xe do súc vật kéo và chăm sóc súc vật, không trực tiếp bốc xếp hàng hóa lên xuống các phương tiện đó.	- Áo mưa; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
95	- Bốc xếp hoặc giao nhận hàng hóa, nguyên vật liệu tại các kho hàng, lên xuống các phương tiện vận tải thô sơ, cải tiến và kéo đẩy các phương tiện đó; - Giao nhận hoặc bốc xếp, chuyển dời, đảo trộn, thu dọn các loại hàng hóa, nguyên vật liệu, thùng két nặng, ráp do cạnh sắc nhọn; - Giao nhận hoặc bốc xếp, chuyển dời, thu dọn các loại nguyên vật liệu, hàng hóa rời, có nhiều bụi bẩn.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Khẩu trang lọc bụi(1); - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học(1); - Khăn choàng chống bụi, nóng, nắng (1,2m x 0,8m); - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Áo mưa; - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người xếp dỡ các loại hàng rời có nhiều bụi bẩn.

96	Chuyên sửa chữa và giao nhận, cất giữ các dụng cụ, phương tiện bốc xếp.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ vải; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải bạt thấp cổ; - Xà phòng.	
97	Bốc xếp giao nhận hàng lên xuống các phương tiện thủy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học(1); - Khẩu trang lọc bụi; - Găng tay vải bạt; - Giầy vải thấp cổ; - Đệm vai; - Khăn choàng chống bụi, nắng, nóng; - Phao cứu sinh(2) - Xà phòng.	(1) Trang bị cho người bốc xếp loại hàng có nhiều bụi bẩn. (2) Trang bị chung đủ để dùng khi cần thiết.
XXIV.6. Đăng kiểm			
98	Đăng kiểm viên đường sắt.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy chống xăng, dầu mỡ (giầy da, giầy vải chống xăng, dầu, mỡ); - Găng tay vải bạt; - Đèn pin; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	
99	Đăng kiểm viên đường bộ.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy vải bạt thấp cổ chống trơn trượt; - Găng tay; - Khẩu trang lọc bụi; - Xà phòng.	

100	Đăng kiểm viên đường thủy.	- Quần áo bảo hộ lao động phổ thông; - Mũ an toàn công nghiệp; - Giầy chống xăng, dầu mỡ (giầy da, giầy vải chống xăng, dầu, mỡ); - Găng tay vải bạt; - Kính trắng chống bụi hoặc chống chấn thương cơ học; - Xà phòng.	

(Xem tiếp Công báo số 355 + 356)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng